TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN PHÚ RIỀNG** **TỈNH BÌNH PHƯỚC**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Phú Riềng, ngày 25 tháng 9 năm 2019

Số: **58**/2019/QĐST- DS

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Biên bản hoà giải thành ngày 17 tháng 9 năm 2019 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 46/2019/TLST-DS ngày 15 tháng 3 năm 2019 về việc "Tranh chấp thừa kế".

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành ngày 17 tháng 9 năm 2019 về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 (bảy) ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà **Nguyễn Thị M**, sinh năm 1967; địa chỉ: Thôn 5, xã L, huyện P, tỉnh Bình Phước.

Người đại diện ủy quyền của bà Mùi: Ông Nguyễn Đức D, sinh năm 1974; địa chỉ: Khu phố X, phường T, thành phố Đ, tỉnh Bình Phước.

- *Bị đơn*: Ông **Nguyễn Văn Q**, sinh năm 1982; Trú tại: Thôn 5, xã L, huyện P, tỉnh Bình Phước.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1/ Bà Nguyễn Thị S, sinh năm 1984; Trú tại: Thôn 5, xã L, huyện P, tỉnh Bình Phước.

2/ Bà Nguyễn Thị Th, sinh năm 1974; trú tại: Thôn T, xã B, huyện P, tỉnh Bình Phước.

3/ Ông Nguyễn Văn Th, sinh năm 1969; Trú tại: Thôn 5, xã L, huyện P, tỉnh Bình Phước.

Người đại diện ủy quyền của bà Thanh, ông Thơm: Ông Nguyễn Đức D, sinh năm 1974; địa chỉ: Khu phố X, phường T, thành phố Đ, tỉnh Bình Phước.

4/ Bà Nguyễn Thị Th, sinh năm 1972; trú tại Thôn B, xã Đ, huyện B, tỉnh Bình Phước.

5/ Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1980; trú tại: Thôn A, xã T, huyện C, tỉnh Tuyên Quang.

6/ Bà Nguyễn Thị T, sinh năm: 1984; trú tại: Thôn T, xã B, huyện P, tỉnh Bình Phước.

7/ Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1986; trú tại: Thôn B, xã Đ, huyện B, tỉnh Bình Phước.

Người đại diện ủy quyền của bà Thu, bà Năm, bà Tâm, bà Tính: Ông Nguyễn Ngọc Th, sinh năm 1993; địa chỉ: Khu phố X, phường T, thành phố Đ, tỉnh Bình Phước.

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

[2.1] Ông Nguyễn Văn Q được quyền quản lý, sử dụng 02 thửa đất cùng toàn bộ tài sản trên đất tọa lạc tại thôn 7, xã L, huyện P, tỉnh Bình Phước với tổng giá trị đất và tài sản trên đất là 2.688.882.000đ *(Bằng chữ: Hai tỷ sáu trăm tám mươi tám triệu tám trăm tám mươi hai nghìn đồng)*, cụ thể:

+ Thửa đất diện tích 14.058,2m^2, thuộc thửa số 94, tờ bản đồ số 37 (theo đo đạc thực tế 13.868,8m^2, trong đó có 1.718,8m^2 hành lang bảo vệ suối (ký hiệu trên bản đồ thửa 01)), đất có tứ cận: Phía Bắc giáp đường đất; Phía Nam giáp suối; Phía Đông giáp thửa 99 (ký hiệu trên bản đồ thửa 02); Phía Tây giáp đất ông Nguyễn Văn Th.

+ Thửa đất diện tích 31.005,1m^2, thuộc thửa số 99, tờ bản đồ số 37, (theo đo đạc thực tế 30.945,9m^2, trong đó có 4.745,7m^2 hành lang bảo vệ suối (ký hiệu trên bản đồ thửa 02)), đất có tứ cận: Phía Bắc giáp đường đất; Phía Nam giáp suối; Phía Đông giáp đất ông Nguyễn Trọng B, ông Ngô Văn Ch; phía Tây giáp thửa 94 (ký hiệu trên bản đồ thửa 01).

(Theo Trích đo bản đồ địa chính ngày 25/7/2019 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện P, tỉnh Bình Phươc kèm theo).

Ông Nguyễn Văn Q được quyền liên hệ với cơ quan nhà nước có thẩm quyền để kê khai đăng ký đề nghị cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với 02 thửa đất nêu trên theo quy định pháp luật.

[2.2] Ông Nguyễn Văn Q có trách nhiệm hoàn trả cho bà Nguyễn Thị M số tiền 50.000.000đ *(Bằng chữ: Năm mươi triệu đồng)*.

[2.3] Ông Nguyễn Văn Q có trách nhiệm hoàn trả cho bà Nguyễn Thị S

số tiền 400.000.000đ *(Bằng chữ: Bốn trăm triệu đồng)* trong thời hạn 01 tháng (kể từ ngày Tòa án ra Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự 25/9/2019).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015 tương ứng với thời gian chậm trả và số tiền chậm trả tại thời điểm thanh toán.

[2.4] *Về chi phí đo đạc, xem xét, thẩm định tại chỗ:* Chi phí đo đạc 5.702.300 đồng; chi phí xem xét thẩm định tại chỗ 4.000.000đ. Tổng cộng 9.702.300đ *(Bằng chữ: Chín triệu bảy trăm lẻ hai nghìn ba trăm đồng)* nguyên đơn bà Nguyễn Thị M tự nguyện chịu (đã nộp xong).

[2.5] *Về án phí dân sự sơ thẩm:*

- Ông Nguyễn Văn Q tự nguyện chịu số tiền 42.388.000đồng *(Bằng chữ: Bốn mươi hai triệu, ba trăm tám mươi tám nghìn đồng)*.

- Bà Nguyễn Thị M tự nguyện chịu số tiền 1.250.000đ *(Bằng chữ: Một triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng)*. Được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà M đã nộp 5.625.000đ (ông Nguyễn Ngọc Th nộp thay) theo Biên lai thu số 026932, quyển số 0539 ngày 15/3/2019. Hoàn trả lại bà Nguyễn Thị M số tiền 4.375.000đ *(Bằng chữ: Bốn triệu ba trăm bảy mươi lăm nghìn đồng)* tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện P, tỉnh Bình Phước.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

<u>Nơi nhận</u>:
-TAND,VKSND tỉnh Bình Phước;
- VKSND huyện P;
- Chi cục THADS huyện P;
- Các đương sự;
- Lưu.

THẨM PHÁN

Đã ký

Đỗ Tấn Trường